

## Đề bài

“Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”. (Văn học 12, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994, trang 136). Anh, chị hãy phân tích một số tác phẩm của một trong những tác gia Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Nam Cao để làm sáng tỏ nhận định trên. (Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1995, bảng B)

## Bài làm

Không phải ai cứ muốn là có thể trở thành nghệ sĩ, dù niềm mong muốn đó có mãnh liệt, thiết tha đến đâu. Để trở thành một nghệ sĩ, điều kiện cần thiết đầu tiên là phải có tài, hay nói cách khác là một cái gì đó thuộc về năng khiếu bẩm sinh. Nhưng tài chưa đủ, người đó cần phải cộng sản một cái tâm trong sáng, một nhân cách cao đẹp. Thương đời, lo cho đời, cho con người, từ đó nhà văn mới có những mong ước cao đẹp, ý thức trách nhiệm, ý thức thiên chức của một “kĩ sư tâm hồn” và tài năng của mình được phát huy cao độ. Cái tài chính là khả năng tối ưu của nhà nghệ sĩ để thực hiện những dự định cao cả, để đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của nghệ thuật: “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”.

Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là “lĩnh vực của cái độc đáo”. Đó chính là một hoạt động của con người ở lĩnh vực văn hóa tinh thần. Người sáng tạo và hoạt động sáng tạo, sản phẩm sáng tạo phải đáp ứng được những đòi hỏi đặc thù của lĩnh vực nghệ thuật đó: sự “độc đáo”. Đối với lĩnh vực khoa học thực nghiệm điều khác là rõ ràng, nhưng ngay trong từng bộ môn nghệ thuật cũng phải có những đặc trưng riêng. Trong văn chương cũng phải như thế.

Bản thân nghệ thuật (trong đó có văn chương) là lĩnh vực của cái mới lạ, cái đẹp mà trong cái đẹp đã bao hàm sự độc đáo. Vì thế, nó đòi hỏi rất cao ở người nghệ sĩ năng lực sáng tạo.

Quá trình sáng tạo tác phẩm văn học là một quá trình sản xuất riêng lẻ, cá biệt. Nó không chấp nhận sự sản xuất hàng loạt rập khuôn máy móc. Người nghệ sĩ phải là người vừa thiết kế vừa thi công công trình của mình chứ không phải là ai khác. Nói như Xuân Diệu “sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm”. Và khi thơ ra đời, nó phải đem lại cho người đọc những điều người ta chưa biết, chưa rõ, những điều mới lạ trong cuộc sống. Mà muốn thực hiện được điều đó thì không dễ dàng một chút nào, “nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật”.

Con người thường có những mơ ước sáng tạo. Và người nghệ sĩ cũng vậy. Nói như Xuân Quỳnh, làm thơ viết văn trước hết là “đáp ứng nhu cầu sáng tạo và nhu cầu nối liền mình với thế giới và sự vật xung quanh”. Bản thân một nhà văn chân chính không thể giẫm chân lên con đường mà người khác đã mở. Họ muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo, “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có” (Nam Cao). Nếu không có phong cách, thì trước hết là không khẳng định được mình, bản ngã mình, cái tôi của mình. Phong cách cũng là sức mạnh của người nghệ sĩ trong thiên chức của mình, bởi phong cách “tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”.

Nếu như khoa học đôi khi loại bỏ cái “tôi” của người sáng tạo thì nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng lại ngược lại. Đến với tác phẩm là ta đến với đứa con tinh thần của mình qua tác phẩm. Đó là nét gì đó “rất riêng, mới lạ” mà không ai có được. Có thể là cách cảm, cách nghĩ, cách nhìn và cách viết. Sự độc đáo, mới lạ đó có từ trong tư tưởng của nhà văn và thể hiện qua những biểu hiện riêng. Nói “nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật” tức là đòi hỏi điều đó. Có phong cách là yêu cầu của nghệ thuật và cũng là ước muốn chủ quan của người nghệ sĩ. Độc đáo trong nghệ thuật, trước hết là sự độc đáo trong cách nghĩ, cách biểu hiện của nhà văn.

Nhưng không phải ai cũng tạo được cho mình một phong cách riêng độc đáo. Đối với những tác giả không có tài năng hoặc mới có quá ít tác phẩm thì phong cách chưa thể có một cách trọn vẹn. Chỉ có những nhà văn lớn, thực sự có tài thì mới có phong cách riêng của mình. Nam Cao là một trong số ít tên tuổi đó.

Nam Cao mất khi còn trẻ. Nhưng sự nghiệp văn học của ông để lại khiến bất cứ ai cũng phải kính nể. Mấy chục truyện ngắn về đề tài người nông dân rất xuất sắc trong đó có kiệt tác *Chí Phèo*, và hàng loạt tác phẩm về đề tài người trí thức trong đó có những tác phẩm được đánh giá rất cao như *Đời thừa*, *Sống mòn*... Trong những đứa con tinh thần đó, Nam Cao đã để lại cái “tôi” sắc nét của mình. Cái “tôi” của một nhà văn chân chính luôn có những sự “đào sâu suy nghĩ, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có”, tạo nên cái “gì đó rất thiêng liêng, mới lạ” trong tác phẩm của ông.

Cũng là một nhà văn hiện thực phê phán cùng thời với Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng... nhưng Nam Cao lại có những nét rất khác biệt. Đi vào tác phẩm của Nam Cao, ta hoàn toàn gặp những chuyện đời thường nhỏ nhặt như *Một bữa no*, *Một chuyện xúvonia*, *Một đám cưới*, *Nửa đêm*, *Làm tổ*...; với những số phận rất cụ thể hiện ngay ở đầu đề như *Lão Hạc*, *Chí Phèo*, *Đi Hảo*...; với những trạng thái sinh động của con người như *Cười*, *Nước mắt*, *Đời thừa*... Ngay cả trong tiểu thuyết của ông như *Chuyện người hàng xóm*, *Sống mòn* cũng vậy. Phạm vi bao quát của tác phẩm tiểu thuyết có thể có quy mô rộng lớn hơn, nhưng trong văn của ông ta cũng chỉ gặp một xóm bài thơ, một ngôi trường ngoại ô. Và trong đó, con người vẫn hiện lên trong cuộc sống đời thường, với những gì thật nhất, quen thuộc nhất. Họ sống với nhau, họ yêu thương nhau, cãi lộn nhau và còn hăm hè, khinh bỉ nhau nữa. Dường như đối với Nam Cao, quan tâm đến số phận con người thì trước hết hãy quan tâm đến con người đời thường, xem họ sống ra sao, trước khi có thể gọi họ là con người giai cấp, con người xã hội.

Nhưng vượt khỏi cái phạm vi đời thường nhỏ hẹp, quanh quẩn bên cuộc sống của người nông dân và người trí thức nghèo, Nam Cao luôn gửi gắm

qua tác phẩm một ý nghĩa triết lí nhân sinh, triết lí xã hội sâu sắc và thâm trầm. Chính sự tìm tòi, khám phá, phát hiện từng cảnh đời, mảnh đời nhỏ bé mà Nam Cao đã thấy sâu sắc hơn hết chiều sâu tội ác của xã hội. “Người nọ, người kia không đáng để ta khinh ghét. Cái đáng nguyên rủa là cái xã hội kia. Nó đã tạo ra những con người tham lam và ích kỉ” (*Sống mòn*). Chính xã hội xấu xa là nguyên nhân đẩy con người tới chỗ cùng cực về vật chất, tha hóa về tâm hồn. Tiếng kêu từ tác phẩm của ông là tiếng kêu đòi phá tan cái xã hội vô nhân đạo để trả lại quyền sống cho con người. Nhưng tiếng nói bức thiết hơn trong tác phẩm của ông lại chính là lời cảnh tỉnh con người hãy giữ lấy nhân cách, nhân phẩm của mình trước những lo toan tẩn mẩn, những tính toán vật chất đời thường, cụ thể hơn là nỗi lo để có được sự sống, có được miếng cơm manh áo. Không có nỗi đau đời, không có cái tâm với con người, làm sao nhà văn viết được những tác phẩm gây xúc động như *Sống mòn*, *Nước mắt* hay *Quên điều độ*...

Nam Cao nhìn nhận con người dưới góc độ nhân cách. Nói như Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh, “Nam Cao là người hay băn khoăn về vấn đề nhân phẩm của con người”. Ông khám phá họ, soi sáng nhân cách của họ bằng những thử thách của miếng cơm manh áo, của vật chất đời thường. Cái đói và miếng ăn là những vấn đề nổi cộm trong sáng tác của Nam Cao. Con người trí thức hay người nông dân cũng vậy, họ đều trong một cuộc giằng dụa quyết liệt vì cái chuyện cơm áo hằng ngày. Đọc tác phẩm Nam Cao, nhiều khi ta trào nước mắt vì thương cảm. Chao ôi, trong tác phẩm của ông, hầu hết các gương mặt đều nhợt nhạt đi vì đói. Bộ điệu của họ mới thảm hại, xốc xệch làm sao. Họ đang phải đấu tranh cho sự sinh tồn của mình trước cái đói ghê gớm. Họ đang đứng trước bờ vực thẳm, ranh giới giữa nhân phẩm và cái xấu xa, đê tiện của con người. Mà theo Nam Cao, ai vượt qua được thử thách khốc liệt của miếng cơm manh áo này thì mới là con người, còn ai gục ngã trước nó thì là những con người tha hóa về nhân cách, nhân phẩm. Ông đã làm như vậy để cứu con người khỏi sự xấu xa, đê tiện, gọi con người về với cái thiên lương tốt đẹp của mình bằng cách làm cho con người tự hổ thẹn vì những chuyện mà ông “không muốn viết” của mình.

Đúng là nhân vật của Nam Cao quặn quại trong miếng cơm manh áo. Con người ta xấu đi, ti tiện đi và lẳng nhục cũng vì điều đó. Đây là một người cha và những người bạn của ông trong *Trẻ con không được ăn thịt chó*, tham lam và ích kỉ đến độ quên cả những đứa trẻ khôn khổ chờ một chút thức ăn thừa. Là bà cụ trong *Một bữa no* chỉ vì đói quá, ăn chực bữa cơm để rồi “chết no” một cách khôn khổ để bia miệng ở đời, bị người ta lôi ra mà xỉ vả, mà làm gương răn dạy kẻ hầu người hạ. Rồi cụ Lộ trong *Tư cách mõ* từ một con người hiền lành, lương thiện bỗng trở thành “mõ chính tông” cũng đê tiện, lì lợm tham ăn, hễ thấy nhà nào lách cách mâm bát là đến ngay, để rồi bị người đời khinh rẻ. *Chí Phèo* trong truyện ngắn cùng tên cũng bị người ta xa lánh bởi Chí đã nhận tiền của Bá Kiến rồi đi gây gổ.

Đau đớn lắm, thương xót lắm, nhưng ta cũng giận họ biết bao nhiêu. Và xót xa hơn là những con người trí thức cũng bị cắn rứt bởi miếng cơm manh áo. Điền khổ, Hộ khổ, Thứ khổ vì không đủ tiền nuôi gia đình; khổ vì cứ muốn bay cao lên với những ước mơ cao đẹp nhưng lại bị miếng cơm manh áo “ghì sát đất”. Hộ đâm ra giận dữ với vợ con, mang tất cả cái khổ nghề nghiệp vì cuộc sống ra mà đổ lên đầu những người thân yêu. Anh đối xử phũ phàng, thậm chí có lúc anh đã nguyên rửa họ. Thứ trong tiểu thuyết *Sống mòn* cũng khổ sở không kém. Cả một nhóm người trí thức đến bữa ăn cãi nhau toang toang với nhau, xỉ nhục nhau... Nhìn những con người như thế ta không đớn đau sao được?

Lạnh lùng miêu tả họ, nhưng Nam Cao không vui đập họ, ông chỉ cảnh tỉnh con người hãy giữ vững nhân cách của mình trước hiện thực xấu xa, đầy những độc tố. Ông mô tả những con người tha hóa, lưu manh và ông cũng rất thiết tha ca ngợi những con người đã biết vượt lên hoàn cảnh để giữ vững nhân cách tốt đẹp. Anh Đĩ chuột (*Nghèo*) thà thất cổ tự tử chứ không để vợ con nợ nần thêm những món tiền để phục dịch mình. Lão Hạc dù nghèo nhưng lão chết bằng nắm bả xin của Binh Tư để giảm phẩm giá của mình. Cách giải quyết như thế là tiêu cực, nhưng biết làm sao được khi lão sống trong một xã hội phi nhân tính. Lão chết nhưng nhân cách trong sáng và cao đẹp của lão còn mãi. Hay những Thứ, những Hộ... cũng vậy. Dù có bị cuộc đời quăng quật, có lúc đã không giữ được tư cách một trí thức chân chính, nhưng rồi rút cuộc, những con người đó đều biết hổ thẹn, tự vấn lòng và thấy mình như “một thằng khốn nạn” rồi họ khóc vì hối hận, để rồi ngày mai họ có thể sống đẹp hơn, tốt hơn.

Với Nam Cao, nhân phẩm của con người là nỗi niềm trăn trở day dứt nhất. Ông luôn muốn con người ta phải sống đẹp hơn, thiện hơn trong mỗi giây phút của đời mình và không bao giờ bị sa ngã vì những cái nhỏ mọn. Ông cảnh tỉnh những kẻ đánh mất nhân cách, ông xót xa cho những người bị lãng nhục và ông ca ngợi những tâm hồn cao đẹp. Phải chăng đó là điều tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc trong sáng tác của Nam Cao?

Tôn trọng hiện thực khách quan là đặc điểm của văn học hiện thực phê phán. Nhưng không giống các nhà văn đương thời, Nam Cao tái tạo hiện thực bằng một bút pháp khách quan, lạnh lùng đến độ tàn nhẫn chứ không đến mức cay chua, phẫn uất như Vũ Trọng Phụng hay yêu thương hiển hiện ngay trên từng câu, từng chữ, dù chỉ đọc trước một đoạn cũng có thể cảm nhận được chủ nghĩa nhân đạo thống thiết như các tác phẩm của Nguyên Hồng. Còn nhà văn Nam Cao thì lại tâm niệm: *Tôi đóng cũi sắt tình cảm của tôi*. Ông viết như để người đọc tưởng không có tình cảm của mình trong đó. Rất hiếm hoi trong tác phẩm ông bộc lộ cảm xúc trực tiếp của mình. Tác phẩm của ông là những trang đời chân thực nghiệt ngã tựa hồ có ý để mặc cho người đọc suy ngẫm và chiêm nghiệm.

Nam Cao chủ trương lách ngòi bút vào đáy sâu của sự thật để phanh phui tất cả hiện thực phũ phàng, tàn nhẫn nhuộm đen tâm hồn con người, phá vỡ quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Tất cả những cái đẹp tốt hay dở của con người, từ chuyện một con người bị lưu manh hóa, đến những chuyện com áo thường nhật, những ý nghĩ sâu xa, cả những chuyện ti tiện của con người như cãi nhau, hăm hè nhau... đều được phơi bày ra một cách không thương tiếc. Có người trách Nam Cao sao tàn nhẫn quá, tàn nhẫn tưởng như bôi xấu con người, hạ thấp con người. Trước những cảnh khô rmaf nhà văn phải đứng dung, phải mổ xẻ mà phân tích. Truyện của Nam Cao nhiều lúc kết thúc không có hậu, con người thì toàn những “cái mặt không chơi được”, có khi xấu xí đến dị hình dị dạng. Nhà văn dám nói những điều người ta không dám nói, lại bằng cái giọng lạnh lùng, tàn nhẫn nên có lúc ai đó đã nghi ngờ giá trị nhân đạo trong tác phẩm Nam Cao. Không, Nam Cao là một con người cao cả, một con người “biết tin ở tài mình, ở thiên chức của mình” (Hà Minh Đức). Ẩn sau cái lạnh lùng, tàn nhẫn ấy là một tấm lòng vì cái xấu để mà sống tốt. Nếu không phải là người có một tấm lòng nhân ái cao độ thì ông đã chẳng thấu hiểu được bi kịch trong những nhân vật như Hộ, như Điền, như Thứ. Chính bút pháp khách quan, lạnh lùng này đã khiến ngòi bút Nam Cao lách sâu được vào sự thật, có sự đào sâu, tìm tòi mới mẻ trong cả đề tài người trí thức – những đề tài đã quá quen thuộc trong văn học; nhưng chưa ai nói được một cách sâu sắc, thấm thía bi kịch tinh thần trong cuộc sống của người trí thức hay thảm họa bị lưu manh hóa, bị xã hội làm thay đổi cả nhân hình lẫn nhân tính của người nông dân như nhà văn Nam Cao.

Những nhà văn hiện thực khác thường xây dựng nhân vật qua hành động, bằng cốt truyện. Nam Cao khắc họa nhân vật của mình bằng cách đi sâu vào nội tâm nhân vật. Ông có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo để làm rõ bản chất nhân vật. Nam Cao sử dụng những dòng độc thoại nội tâm để nhân vật tự thể hiện mình. Vì vậy, nhân vật của Nam Cao thường hiện lên qua tác phẩm trong những dòng suy tưởng. Chẳng ai có thể tin Hộ là người thương vợ con, có ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp nếu chỉ toàn thấy những hành động cục cằn, thô lỗ của anh mà không đọc những suy ngẫm của anh về gia đình, về nghề nghiệp qua những đoạn nhà văn để cho Hộ tự độc thoại. Hộ không thể tàn nhẫn với Từ, và theo Hộ cầu thả trong bất cứ nghề gì là bất lương, nhưng sự cầu thả trong văn chương là đê tiện.

Nam Cao rất ít khi miêu tả thiên nhiên, miêu tả ngoại hình nhưng nếu có thì cũng chỉ để khắc họa tâm lí nhân vật. Chí Phèo đang trong trạng thái say, chân bước loạng choạng, nên tàu lá chuối cũng được tả như đang “giãy đành đạch”. Thứ (*Sống mòn*) đang buồn khổ vì cuộc đời, tâm lí đang có phần suy sụp nên Nam Cao viết: “Mắt y đã nghiêm trang, trán y đã lo âu”... Và có lẽ chính việc để nhân vật, đặc biệt là nhân vật trí thức, suy tưởng nhiều nên trong tác phẩm của Nam Cao luôn có giọng điệu triết lí sâu sắc. Những triết

lí về đời, về thái độ của con người ta chỉ xấu xa trước đôi mắt ráo hoảnh của “phường ích kỉ” (*Nước mắt*) hay “văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho...” (*Đời thừa*). Những triết lí về nghề nghiệp là những điều thường gặp trong tác phẩm của ông. Đó cũng là một nét “rất riêng, mới lạ” của nhà văn này.

Phong cách của Nam Cao – những cái nét “rất riêng, mới lạ” thể hiện trong sáng tác của ông – chính là hướng tiếp cận cuộc sống rất đặc biệt. Ông có cách nhìn nhận và đánh giá, quan tâm đến con người không giống ai. Tất cả những trần trở, suy tư trước hiện thực, cách cảm, cách nghĩ của ông lại được thể hiện trong một lối rất đặc sắc. Người ta không thể lẫn Nam Cao với một ai khác.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong tư tưởng nghệ thuật của Nam Cao có nhiều thay đổi nhưng tài năng, phong cách của ông không vì thế mà phai nhạt đi. Dù cơ bản chỉ để lại truyện *Đôi mắt* nhưng Nam Cao vẫn chứng tỏ được mình. *Đôi mắt* vẫn mang những nét cơ bản trong phong cách Nam Cao. Ông viết về những vấn đề rất lớn lao của đất nước nhưng lại thể hiện nó trong môi trường nhỏ hẹp: trong gia đình của nhân vật Hoàng. Câu chuyện có ý nghĩa rất lớn lao nhưng lại được thể hiện chủ yếu qua đôi thoại của hai văn sĩ lâu ngày gặp nhau nhận xét về người nông dân mình. Ông ít để cho nhân vật hành động mà để cho nhân vật tự nói nhiều, như một thủ pháp độc thoại vậy. Và ông vẫn dùng ngòi bút miêu tả khắc họa tâm lí sắc sảo của mình đối với từng nhân vật.

Phong cách của Nam Cao được thể hiện khá rõ ràng và nhất quán, chỉ tiếc ông hi sinh quá sớm, khi tài năng đang ở độ chín. Nhưng với những gì còn để lại cho đời, ông đã chứng tỏ được phong cách của mình, cái tài, cái tâm của mình. Nam Cao đúng là một trong số không nhiều nhà văn đáp ứng được đòi hỏi khắt khe của sự sáng tạo nghệ thuật.

Phạm Thu Thủy  
Trường THPT Cổ Nghĩa, tỉnh Hòa Bình (Bài đoạt giải nhì)